

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 693/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22/9/2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoàng Nguyệt Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Minh Khiết;
- Bà Trần Thị Hiền.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Lê Thị Kim Cương, là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Trần Quang Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 302/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2025/QĐXXST-DS ngày 28/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 288/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 27/8/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Dương Thị Thúy L, sinh năm 19xx, căn cước công dân số 0123456789000 (có đơn giải quyết vắng mặt);

Địa chỉ: Căn hộ 0. 123 Chung cư N, số 2xx đường P, phường B (tên cũ: Khu phố X, phường B, quận B1), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: ông Huỳnh Anh T, sinh năm 19xx, căn cước công dân số 012345678912 (vắng mặt);

Địa chỉ tại thời điểm thụ lý: Căn hộ 0. 123 Chung cư N, số 2xx đường P, phường B (tên cũ: Khu phố X, phường B, quận B1), Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ hiện tại: số 1xx/xx đường T, phường T2 (tên cũ: phường T2, quận T3), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ly hôn của nguyên đơn và bản tự khai của đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

1. Nguyên đơn bà Dương Thị Thuý L trình bày: bà và ông Huỳnh Anh T chung sống với nhau từ năm 2014, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 37, cấp ngày 04/3/2014 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh B.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mỗi người có cuộc sống riêng, ông T có tình cảm riêng, hai bên vẫn ở chung nhà nhưng sống ly thân.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Dương Thị Thuý L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Huỳnh Anh T.

- Về con chung: có 01 (một) con chung tên Huỳnh Tấn Đ sinh ngày 03/06/2014, bà Dương Thị Thuý L yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Bà L có thu nhập 30.000.000 đồng/tháng là đủ để chăm lo cho con, có nhà ở để hai mẹ con ổn định cuộc sống. Ông T dạy con những từ ngữ không văn minh khi nhắc đến bà L nên sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý của con, con không thoải mái khi ở với ông T vì ông T gia trưởng. Bà L luôn quan tâm, chăm sóc con từ khi sinh ra đến nay, con cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nhưng vì còn sợ ba nên không dám nói trước mặt ba của bé. Ông T luôn kiểm soát con quá mức làm cho bé không còn tự tin vào bản thân, bé luôn trong trạng thái căng thẳng vì phải làm vừa ý ba vừa lòng ba chứ thực sự không vì bản thân mình hay sở thích của chính bản thân mình nên bà L không thể giao bé cho ba trực tiếp nuôi dưỡng được.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Tòa án, bà Dương Thị Thuý L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Huỳnh Anh T. Về con chung có 01 (một) con chung tên Huỳnh Tấn Đ sinh ngày 03/06/2014, bà Dương Thị Thuý L yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Huỳnh Anh T trình bày: ông và bà Dương Thị Thuý Loan chung sống với nhau từ năm 2014, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 37, cấp ngày 04/3/2014 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh B.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên vẫn ở chung nhà nhưng sống ly thân.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Huỳnh Anh T đồng ý ly hôn với bà Dương Thị Thuý L.

- Về con chung: có 01 (một) con chung tên Huỳnh Tấn Đ sinh ngày 03/06/2014, ông Huỳnh Anh T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T là người gần gũi với con hơn, ông T đưa đón con đi học, cho con ăn uống, ngủ cùng con mỗi ngày và luôn quan tâm đến cuộc

sống của con để con có kỷ luật trong cuộc sống. Khi con ở cùng bà L thì chỉ là xem điện thoại hoặc đọc truyện thì sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của con. Ông T đang kinh doanh tự do, thu nhập hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng/tháng, không có tài liệu gì chứng minh thu nhập nhưng đủ khả năng để nuôi con tốt. Hơn 10 năm nay thì ông T là người trả tiền cho các chi phí sinh hoạt trong gia đình (điện, nước, tiền học của con, tiền chợ, tiền nhà...) thì cũng đã chứng minh được thu nhập của ông T. Ông T luôn đồng hành cùng con và ở cùng con nhiều nhất có thể kể cả trong 03 tháng hè còn bà L đi làm thì không có thời gian ở bên con thì làm sao đủ điều kiện nuôi con được. Bà L không nuôi dạy được trẻ Đạt vì con không nghe lời và có những lúc qua mặt cả bà L. Ông T luôn phải răn dạy con là phải học bài, làm bài xong thì mới được chơi điện thoại, chơi game ở mức độ kiểm soát được.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Tòa án, ông Huỳnh Anh T đồng ý ly hôn với bà Dương Thị Thuý L. Về con chung có 01 (một) con chung tên Huỳnh Tấn Đ sinh ngày 03/06/2014, ông Huỳnh Anh T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà L cấp dưỡng. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Dương Thị Thuý L có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Huỳnh Anh T vắng mặt.

4. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị Thuý L đối với ông Huỳnh Anh T; giao con chung tên Huỳnh Tấn Đ cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: hai bên thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và công bố các yêu cầu và tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bà Dương Thị Thuý L và ông Huỳnh Anh T có đăng ký kết hôn, bà L có yêu cầu ly hôn với ông T nên đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án thì bị đơn là ông Huỳnh Anh T cư trú tại phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật; nên căn cứ vào quy định tại điểm b

khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà L và ông T trong quá trình chung sống phải tạo dựng hạnh phúc, phải biết thương yêu, chăm sóc, tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, phải chung thủy và cùng nhau nuôi dạy con cái, cùng làm kinh tế gia đình để ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, hai ông bà không thực hiện những điều cơ bản đó mà lại mâu thuẫn về cách sống, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Mâu thuẫn giữa bà L và ông T đã trầm trọng nên đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L và ông T thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- *Về con chung:* có 01 (một) con chung tên Huỳnh Tấn Đ sinh ngày 03/06/2014, bà L và ông T đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là trách nhiệm của cả cha và mẹ, trẻ Đạt đã và đang chung sống với bà L và ông T. Bà L cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh có nguồn thu nhập, tài chính ổn định cũng như chăm lo cho con trẻ được học tập, tiếp cận các kiến thức có ích. Ông T có trình bày thu nhập hàng tháng nhưng không có tài liệu chứng minh và cũng vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, trẻ Đạt không lựa chọn được việc muốn sống cùng ba hay mẹ khi ba mẹ ly hôn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, giao trẻ Huỳnh Tấn Đ sinh ngày 03/6/2014 cho bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung:* bà L và ông T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung:* bà L và ông T thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: bà Dương Thị Thuý L phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 khoản 3 Điều 228,

khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Dương Thị Thuý L đối với ông Huỳnh Anh T:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Dương Thị Thuý L và ông Huỳnh Anh T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 37, cấp ngày 04/3/2014 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh B cấp cho bà Dương Thị Thuý L và ông Huỳnh Anh T không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: có 01 (một) con chung tên có 01 (một) con chung tên Huỳnh Tấn Đ sinh ngày 03/06/2014.

Giao con chung tên Huỳnh Tấn Đ sinh ngày 03/06/2014 cho bà Dương Thị Thuý L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà Dương Thị Thuý L không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, cha mẹ đều có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp do yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: bà Dương Thị Thuý L và ông Huỳnh Anh T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

1.4. Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: bà Dương Thị Thuý L và ông Huỳnh Anh T thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: bà Dương Thị Thuý L chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà L đã nộp theo biên lai thu số 0076903 ngày 02/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Dương Thị Thuý L đã nộp đủ án phí.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: bà Dương Thị Thuý L và ông Huỳnh Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV9 TPHCM;
- TAND TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Nguyệt Ánh